

**CÔNG TY CP CHỨNG
KHOÁN THIÊN VIỆT
THIEN VIET SECURITIES
(TVS)**

Ngày 31 tháng 05 năm 2023
31st May 2023

THÔNG BÁO/ NOTIFICATION

(V/v: Thay đổi danh mục CK được giao dịch ký quỹ)
(The change of stocks applied for margin trading)

TVS xin thông báo đến quý khách hàng về việc thay đổi mã chứng khoán được giao dịch ký quỹ như sau:

TVS would like to inform our customers about the change of stocks applied for margin trading as follows:

- Mã HSG và THI sàn HSX không còn nằm trong danh mục chứng khoán ký quỹ từ ngày 01/06/2023
- Eliminate HSG and THI on HCM stock exchange from margin trading stock list from June 01st, 2023.

Trân trọng!
Best regards,

TỔNG GIÁM ĐỐC (CEO) 




NGUYỄN THANH THẢO



CÔNG TY CP CHỨNG
KHOẢN THIÊN VIỆT
THIEN VIET SECURITIES
(TVS)

Ngày 31 tháng 05 năm 2023
31th May 2023

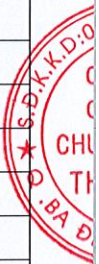
DANH MỤC CHỨNG KHOẢN ĐƯỢC GIAO DỊCH KÝ QUỸ TẠI TVS STOCK LIST FOR MARGIN TRADING AT TVS

TỪ NGÀY/ From: 01/06/2023

Tỷ lệ ký quỹ duy trì/ Margin maintenance Ratio: 35%

STT/ No	Sàn GD/ Stock Exchange	Mã CK/ Stock	Tỷ lệ cho vay/ Debt Ratio	Tỷ lệ ký quỹ/ Margin Ratio
1	HOSE	AAA	25%	75%
2	HOSE	ACB	50%	50%
3	HOSE	ADS	0%	100%
4	HOSE	AGR	0%	100%
5	HOSE	ANV	35%	65%
6	HOSE	ASM	20%	80%
7	HOSE	BAF	25%	75%
8	HOSE	BCG	0%	100%
9	HOSE	BCM	0%	100%
10	HOSE	BID	50%	50%
11	HOSE	BMI	25%	75%
12	HOSE	BMP	40%	60%
13	HOSE	BSI	30%	70%
14	HOSE	BVH	30%	70%
15	HOSE	BWE	25%	75%
16	HOSE	CDC	0%	100%
17	HOSE	CII	30%	70%
18	HOSE	CMG	25%	75%
19	HOSE	CNG	30%	70%
20	HOSE	CSV	40%	60%
21	HOSE	CTD	25%	75%
22	HOSE	CTF	0%	100%
23	HOSE	CTG	50%	50%
24	HOSE	CTR	30%	70%
25	HOSE	CTS	30%	70%
26	HOSE	DBC	35%	65%
27	HOSE	DBD	20%	80%
28	HOSE	DCM	50%	50%

STT/ No	Sàn GD/ Stock Exchange	Mã CK/ Stock	Tỷ lệ cho vay/ Debt Ratio	Tỷ lệ ký quỹ/ Margin Ratio
29	HOSE	DGC	50%	50%
30	HOSE	DGW	30%	70%
31	HOSE	DHA	25%	75%
32	HOSE	DHC	25%	75%
33	HOSE	DHG	25%	75%
34	HOSE	DHM	0%	100%
35	HOSE	DIG	25%	75%
36	HOSE	DMC	20%	80%
37	HOSE	DPG	30%	70%
38	HOSE	DPM	50%	50%
39	HOSE	DPR	25%	75%
40	HOSE	DRC	25%	75%
41	HOSE	DRH	0%	100%
42	HOSE	DVP	25%	75%
43	HOSE	DXG	45%	55%
44	HOSE	DXS	20%	80%
45	HOSE	EIB	40%	60%
46	HOSE	FCN	40%	60%
47	HOSE	FIR	0%	100%
48	HOSE	FMC	20%	80%
49	HOSE	FPT	50%	50%
50	HOSE	FRT	40%	60%
51	HOSE	FTS	35%	65%
52	HOSE	GAS	50%	50%
53	HOSE	GEG	20%	80%
54	HOSE	GEX	30%	70%
55	HOSE	GIL	25%	75%
56	HOSE	GMD	35%	65%



Handwritten signature

STT/ No	Sàn GD/ Stock Exchange	Mã CK/ Stock	Tỷ lệ cho vay/ Debt Ratio	Tỷ lệ ký quỹ/ Margin Ratio
57	HOSE	GVR	40%	60%
58	HOSE	HAH	45%	55%
59	HOSE	HAX	25%	75%
60	HOSE	HCM	50%	50%
61	HOSE	HDB	40%	60%
62	HOSE	HDC	35%	65%
63	HOSE	HDG	50%	50%
64	HOSE	HHV	30%	70%
65	HOSE	HPG	50%	50%
66	HOSE	HQC	0%	100%
67	HOSE	HT1	25%	75%
68	HOSE	HTL	0%	100%
69	HOSE	IDI	25%	75%
70	HOSE	IJC	20%	80%
71	HOSE	IMP	25%	75%
72	HOSE	KBC	40%	60%
73	HOSE	KDC	30%	70%
74	HOSE	KDH	30%	70%
75	HOSE	KHG	0%	100%
76	HOSE	KOS	0%	100%
77	HOSE	KSB	30%	70%
78	HOSE	LCG	35%	65%
79	HOSE	LIX	30%	70%
80	HOSE	LPB	40%	60%
81	HOSE	MBB	50%	50%
82	HOSE	MSB	40%	60%
83	HOSE	MSH	25%	75%
84	HOSE	MSN	40%	60%
85	HOSE	MWG	50%	50%
86	HOSE	NCT	25%	75%
87	HOSE	NLG	45%	55%
88	HOSE	NT2	35%	65%
89	HOSE	OCB	30%	70%
90	HOSE	ORS	0%	100%
91	HOSE	PAN	25%	75%
92	HOSE	PC1	40%	60%
93	HOSE	PDR	10%	90%
94	HOSE	PHR	30%	70%

STT/ No	Sàn GD/ Stock Exchange	Mã CK/ Stock	Tỷ lệ cho vay/ Debt Ratio	Tỷ lệ ký quỹ/ Margin Ratio
95	HOSE	PLX	45%	55%
96	HOSE	PNJ	45%	55%
97	HOSE	POW	45%	55%
98	HOSE	PTB	20%	80%
99	HOSE	PVT	40%	60%
100	HOSE	RAL	25%	75%
101	HOSE	REE	50%	50%
102	HOSE	SAB	45%	55%
103	HOSE	SAM	0%	100%
104	HOSE	SBT	30%	70%
105	HOSE	SCR	25%	75%
106	HOSE	SHB	45%	55%
107	HOSE	SHI	0%	100%
108	HOSE	SJS	0%	100%
109	HOSE	SSB	40%	60%
110	HOSE	SSI	50%	50%
111	HOSE	ST8	0%	100%
112	HOSE	STB	50%	50%
113	HOSE	STK	25%	75%
114	HOSE	SZC	20%	80%
115	HOSE	TCB	50%	50%
116	HOSE	TCH	20%	80%
117	HOSE	TCL	25%	75%
118	HOSE	TCM	35%	65%
119	HOSE	TDM	20%	80%
120	HOSE	THG	20%	80%
121	HOSE	TLG	30%	70%
122	HOSE	TMS	25%	75%
123	HOSE	TPB	50%	50%
124	HOSE	VCB	50%	50%
125	HOSE	VCG	45%	55%
126	HOSE	VCI	50%	50%
127	HOSE	VGC	35%	65%
128	HOSE	VHC	35%	65%
129	HOSE	VHM	35%	65%
130	HOSE	VIB	50%	50%
131	HOSE	VIC	30%	70%
132	HOSE	VIX	0%	100%



Handwritten signature

Danh mục giao dịch ký quỹ/ Stock list for margin trading | TVS

STT/ No	Sàn GD/ Stock Exchange	Mã CK/ Stock	Tỷ lệ cho vay/ Debt Ratio	Tỷ lệ ký quỹ/ Margin Ratio
133	HOSE	VND	45%	55%
134	HOSE	VNM	50%	50%
135	HOSE	VPB	50%	50%
136	HOSE	VPG	25%	75%
137	HOSE	VPI	30%	70%

STT/ No	Sàn GD/ Stock Exchange	Mã CK/ Stock	Tỷ lệ cho vay/ Debt Ratio	Tỷ lệ ký quỹ/ Margin Ratio
138	HOSE	VRE	35%	65%
139	HOSE	VSC	35%	65%
140	HOSE	VSH	30%	70%
141	HOSE	VTO	25%	75%





CÔNG TY CP CHỨNG
KHOẢN THIÊN VIỆT/
THIEN VIET SECURITIES
(TVS)

CAPITAL INSIGHT
CLIENT INNOVATION

Ngày 31 tháng May năm 2023

31st May 2023

DANH MỤC CHỨNG KHOẢN ĐƯỢC GIAO DỊCH KÝ QUỸ TẠI TVS

STOCK LIST FOR MARGIN TRADING AT TVS

TỪ NGÀY/ FROM: 01/06/2023

Tỷ lệ ký quỹ duy trì/ Margin maintenance Ratio: 35%

STT/ No	Sàn GD/ Stock Exchange	Mã CK/ Stock	Tỷ lệ cho vay/ Debt Ratio	Tỷ lệ ký quỹ/ Margin Ratio
1	HNX	AMV	0%	100%
2	HNX	BBS	0%	100%
3	HNX	BCC	20%	80%
4	HNX	CEO	0%	100%
5	HNX	HUT	25%	75%
6	HNX	IDC	35%	65%
7	HNX	IVS	0%	100%
8	HNX	MBS	30%	70%
9	HNX	NAG	0%	100%
10	HNX	NTP	20%	80%
11	HNX	PLC	25%	75%
12	HNX	PPS	0%	100%
13	HNX	PRC	0%	100%
14	HNX	PVC	30%	70%
15	HNX	PVI	25%	75%
16	HNX	PVS	50%	50%
17	HNX	TAR	25%	75%
18	HNX	TKG	0%	100%
19	HNX	TNG	30%	70%
20	HNX	TSB	0%	100%
21	HNX	VCS	30%	70%
22	HNX	VGS	20%	80%